

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU  
TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 400/KH-THCSMKII

*Đông Triều, ngày 23 tháng 8 năm 2024*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**Năm học 2024-2025**

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông (thông tư 32);

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ công văn số 5512/BGDĐT- GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2024 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm;

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 05/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1055/SGDĐT-GDPT ngày 08/5/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 3107/SGDĐT-GDPT ngày 28/10/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn dạy học nội dung giáo dục địa phương cấp trung học theo Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 3163 /SGDĐT-VP ngày 09/11/2023 về việc tiếp tục tăng cường khai thác hiệu quả thiết bị, hệ thống LMS, phòng học, phòng điều hành của dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và dự án trường học thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 về ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 843/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 của Sở GDĐT về chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025”; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT Hướng dẫn GDQPAN trong trường tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 Nghị quyết của Tỉnh ủy với 18 mục tiêu đến 2030 trong đó có: 100% học sinh phổ thông các cấp được tiếp cận giáo dục nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa và được tham quan các di tích quốc gia đặc biệt, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2272/SGDĐT ngày 21/08/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn kiểm tra đánh giá học sinh THCS và THPT từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 1422/PGD&ĐT ngày 04/12/2022 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn dạy học nội dung giáo dục địa phương cấp trung học theo Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 817/PGD-ĐT ngày 02/08/2022 của phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học từ năm học năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Công văn số 675/PGD&ĐT ngày 13/5/2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong Chương trình GDPT 2018; Công văn số 1856/PGD&ĐT ngày 27/11/2023 của phòng GD&ĐT Đông Triều 27/11/2023 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch, triển khai dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí;

Căn cứ Công văn số 2668/HD-SGDĐT ngày 15/8/2024 của sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Trường THCS Mạo Khê II xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

## **A. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

### **I. Bối cảnh bên ngoài:**

#### **1. Thời cơ:**

Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới

căn bản toàn diện GD&ĐT; Năm học 2024 - 2025, toàn Ngành tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; tiếp tục thực hiện các đề án: “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 - 2030”, “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông theo định hướng chuẩn Quốc tế giai đoạn 2020 - 2030”; triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030”; tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới theo lộ trình.

Nhà trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê; sự hỗ trợ phối hợp tích cực của các phòng ban chuyên môn, trung tâm; của ban ngành đoàn thể thị xã, phường.

Chương trình GDPT 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường trong việc chọn lựa nội dung, xây dựng kế hoạch chuyên môn.

Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh đã nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới CT GDPT. Được sự đồng tình ủng hộ của hầu hết cha mẹ học sinh; người dân quan tâm công tác giáo dục.

## **2. Thách thức:**

Sĩ số học sinh trong một lớp tương đối cao (43 học sinh/lớp) ảnh hưởng đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục.

Tỉ lệ học sinh là con công nhân, lao động tự do học tại trường khá lớn. Nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thường xuyên thay đổi chỗ ở theo nhu cầu mưu sinh của gia đình, ít nhiều bị ảnh hưởng, đặc biệt là việc tự học, tự nghiên cứu bài của các em ở nhà, và công tác sự phối hợp giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

Yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo ngày càng cao cũng phần nào tạo áp lực đến đội ngũ giáo viên.

## **II. Bối cảnh bên trong**

### **1. Đặc điểm tình hình**

#### **a. Tình hình học sinh**

| <b>Khối</b> | <b>Số lớp</b> | <b>Số học sinh</b> | <b>Sĩ số HS/lớp</b> |
|-------------|---------------|--------------------|---------------------|
| <b>6</b>    | 8             | 329                | 41                  |
| <b>7</b>    | 9             | 402                | 45                  |
| <b>8</b>    | 8             | 341                | 43                  |
| <b>9</b>    | 7             | 316                | 45                  |
| <b>TC</b>   | <b>32</b>     | <b>1388</b>        |                     |

**b. Tình hình đội ngũ:****\* Giáo viên:**

| TT | Môn         | Giáo viên |           | Đảng viên | Biên chế  | Hợp đồng | Trình độ chuyên môn |           |    |      |
|----|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|---------------------|-----------|----|------|
|    |             | Tổng      | Nữ        |           |           |          | >ĐH                 | ĐH        | CD | Khác |
| 1  | Toán học    | 11        | 10        | 10        | 11        | 0        | 0                   | 11        | 0  | 0    |
| 2  | Ngữ văn     | 12        | 11        | 12        | 12        | 0        | 1                   | 11        | 0  | 0    |
| 3  | Tiếng Anh   | 5         | 5         | 5         | 5         | 0        | 0                   | 5         | 0  | 0    |
| 4  | Vật lý      | 3         | 3         | 2         | 3         | 0        | 1                   | 2         | 0  | 0    |
| 5  | Hóa học     | 4         | 4         | 4         | 4         | 0        | 1                   | 3         | 0  | 0    |
| 6  | Sinh học    | 4         | 3         | 3         | 4         | 0        | 1                   | 3         | 0  | 0    |
| 7  | Lịch sử     | 3         | 3         | 2         | 3         | 0        | 1                   | 2         | 0  | 0    |
| 8  | Địa lý      | 2         | 2         | 2         | 2         | 0        | 0                   | 2         | 0  | 0    |
| 9  | GDCD        | 2         | 2         | 2         | 2         | 0        | 1                   | 1         | 0  | 0    |
| 10 | Công nghệ   | 2         | 2         | 2         | 2         | 0        | 0                   | 2         | 0  | 0    |
| 11 | Thể dục     | 3         | 2         | 3         | 3         | 0        | 0                   | 3         | 0  | 0    |
| 12 | Âm nhạc     | 1         | 1         | 1         | 1         | 0        | 0                   | 1         | 0  | 0    |
| 13 | Mỹ thuật    | 2         | 2         | 2         | 2         | 0        | 0                   | 2         | 0  | 0    |
| 14 | Tin học     | 3         | 2         | 3         | 3         | 0        | 0                   | 3         | 0  | 0    |
| 15 | Tiếng Pháp  | 2         | 2         | 2         | 2         | 0        | 0                   | 2         | 0  | 0    |
|    | <b>Cộng</b> | <b>59</b> | <b>54</b> | <b>55</b> | <b>59</b> | <b>0</b> | <b>6</b>            | <b>53</b> |    |      |

**\* Cán bộ quản lý, nhân viên:**

| TT | Chức vụ         | Số lượng |    | Đảng viên | Biên chế | Hợp đồng | Trình độ chuyên môn |    |    |      |
|----|-----------------|----------|----|-----------|----------|----------|---------------------|----|----|------|
|    |                 | Tổng     | Nữ |           |          |          | >ĐH                 | ĐH | CD | Khác |
| 1  | Hiệu trưởng     | 1        | 1  | 1         | 1        | 0        | 0                   | 1  | 0  | 0    |
| 2  | Phó Hiệu trưởng | 2        | 2  | 2         | 2        | 0        | 0                   | 2  | 0  | 0    |
| 3  | Kế toán         | 1        | 1  | 1         | 1        | 0        | 0                   | 1  | 0  | 0    |
| 4  | Văn thư         | 0        | 0  | 0         | 0        | 0        | 0                   | 0  | 0  | 0    |
| 5  | Thủ quỹ         | 0        | 0  | 0         | 0        | 0        | 0                   | 0  | 0  | 0    |
| 6  | Thư viện        | 0        | 0  | 0         | 0        | 0        | 0                   | 0  | 0  | 0    |
| 7  | TB-PTH          | 0        | 0  | 0         | 0        | 0        | 0                   | 0  | 0  | 0    |
| 8  | Y tế            | 1        | 1  | 1         | 1        | 0        | 0                   | 0  | 1  | 0    |

|    |             |           |          |          |          |          |          |          |          |          |
|----|-------------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 9  | CNTT        | 0         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 10 | Bảo vệ      | 5         | 0        | 0        | 0        | 5        | 0        | 0        | 0        | 5        |
| 11 | Phục vụ     | 2         | 2        | 1        | 0        | 2        | 0        | 1        | 0        | 1        |
| 12 | Giáo vụ     | 0         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |
|    | <b>Cộng</b> | <b>12</b> | <b>7</b> | <b>6</b> | <b>5</b> | <b>7</b> | <b>0</b> | <b>5</b> | <b>1</b> | <b>6</b> |

**\* CSVC:**

| Stt      | Thông tin CSVC                                                       | Số lượng<br>phòng/ công<br>trình | Ghi<br>chú |
|----------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| <b>1</b> | <b>Khối phòng hành chính quản trị</b>                                | <b>11</b>                        |            |
|          | <i>Phòng Hiệu trưởng</i>                                             | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng Phó hiệu trưởng</i>                                         | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng Công đoàn</i>                                               | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Văn phòng</i>                                                     | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng bảo vệ</i>                                                  | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Khu vệ sinh giáo viên</i>                                         | <i>5</i>                         |            |
|          | <i>Khu để xe giáo viên</i>                                           | <i>1</i>                         |            |
| <b>2</b> | <b>Khối phòng học học tập</b>                                        | <b>30</b>                        |            |
|          | <i>Phòng học</i>                                                     | <i>20</i>                        |            |
|          | <i>Phòng Nghệ thuật</i>                                              | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng học Công nghệ</i>                                           | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng học KHTN</i>                                                | <i>2</i>                         |            |
|          | <i>Phòng học Tin học</i>                                             | <i>2</i>                         |            |
|          | <i>Phòng học Ngoại ngữ</i>                                           | <i>2</i>                         |            |
|          | <i>Phòng học KHXH</i>                                                | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng đa chức năng</i>                                            | <i>1</i>                         |            |
| <b>3</b> | <b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>                                     | <b>6</b>                         |            |
|          | <i>Thư viện</i>                                                      | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng thiết bị giáo dục</i>                                       | <i>3</i>                         |            |
|          | <i>Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh học sinh khuyết tật</i> | <i>0</i>                         |            |
|          | <i>Phòng đoàn đội</i>                                                | <i>1</i>                         |            |
|          | <i>Phòng truyền thống</i>                                            | <i>1</i>                         |            |

|          |                                       |                |  |
|----------|---------------------------------------|----------------|--|
| <b>4</b> | <b>Khối phụ trợ</b>                   | <b>10</b>      |  |
|          | <i>Phòng họp toàn thể CBGVNV</i>      | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Phòng các tổ chuyên môn</i>        | <i>2</i>       |  |
|          | <i>Phòng y tế</i>                     | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Nhà kho</i>                        | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Khu vệ sinh học sinh</i>           | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Nhà xe học sinh</i>                | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Phòng nghỉ giáo viên</i>           | <i>2</i>       |  |
|          | <i>Cổng, tường rào</i>                | <i>1</i>       |  |
| <b>5</b> | <b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b> | <b>5</b>       |  |
|          | <i>Sân chơi</i>                       | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Sân thể dục thể thao</i>           | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Nhà tập đa năng</i>                | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Sân cỏ nhân tạo</i>                | <i>1</i>       |  |
|          | <i>Khu giáo dục biển đảo</i>          | <i>1</i>       |  |
| <b>6</b> | <b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>         | <b>0</b>       |  |
| <b>7</b> | <b>Hạ tầng kĩ thuật</b>               |                |  |
|          | <i>Hệ thống cấp nước sạch</i>         | <i>Đảm bảo</i> |  |
|          | <i>Hệ thống cấp điện</i>              | <i>Đảm bảo</i> |  |
|          | <i>Hệ thống phòng cháy chữa cháy</i>  | <i>Đảm bảo</i> |  |
|          | <i>Hạ tầng CNTT</i>                   | <i>Đảm bảo</i> |  |
|          | <i>Khu thu gom rác thải</i>           | <i>Đảm bảo</i> |  |

\* Tỷ lệ giáo viên/lớp (58/32: 1,81 gv/lớp) đảm bảo theo quy định.

Trình độ giáo viên trên chuẩn là 10,06%, đạt chuẩn 89,4% đảm bảo theo Luật giáo dục hiện hành.

Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác.

\* Cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo sát sao các tổ chuyên môn và tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện CMHS.

Giáo viên tổng phụ trách đội có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác đội.

\* Học sinh ngoan, lễ phép. Đạt khoảng 90% học sinh ý thức tốt về tầm quan trọng của việc học tập cho tương lai sau này.

## 2. Điểm yếu

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được dạy học 2 buổi/ngày theo

yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

Thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT chưa trang cấp đầy đủ, khó khăn khi thực hiện đổi mới PP dạy học.

Một số học sinh chưa ngoan, ý thức học tập chưa cao, chưa được sự quan tâm của cha mẹ học sinh.

Chất lượng các bộ môn chưa đồng đều, tỷ lệ điểm thi tuyển sinh môn Toán còn thấp so với điểm đánh giá môn học.

### **3. Kết quả nổi bật trong năm học 2023 - 2024:**

Nề nếp nhà trường được giữ vững, đã số học sinh ngoan ngoãn, không xảy ra các vụ việc liên quan đến vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật của học sinh. Học sinh được rèn luyện kỹ năng sống, phát triển năng lực cá nhân. Tỷ lệ học sinh xếp loại hoạn kiểm khá, tốt chiếm 99,48%.

Kết quả 2 mặt giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024:

- Về học tập: Giỏi/Tốt: 698 học sinh (*chiếm 50,32%*); Khá: 491: 35,4%; Trung bình (Đạt): 198 (14,28%).

- Về rèn luyện: Tổng số 1387: Tốt 1303 (93,94%); Khá 76 (5,48%); TB (đạt): 8 (0,58%)

(1) Danh hiệu thi đua: *Học sinh xuất sắc 95; Học sinh giỏi 603; Học sinh tiên tiến 123.*

(2) Học sinh đạt giải các kỳ thi, cuộc thi các cấp:

\* Các bộ môn văn hóa:

+ Cấp thị xã: 52 giải (3 nhất, 5 nhì, 11 ba, 33 kk)

+ Cấp tỉnh: 24 giải (1 nhất, 3 nhì, 8 ba, 12 kk)

\* Cuộc thi Khoa học kỹ thuật:

+ Cấp thị xã: 05 sản phẩm (10hs) (2 nhì, 2 ba, 1 tư)

+ Cấp tỉnh: 02 sản phẩm (4hs) (1 ba, 1 tư)

\* Cuộc thi STTTNNĐ cấp thị xã đạt 04 sản phẩm (17hs) (2 nhì, 1 ba, 1kk)

\* Cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em năm 2024.

\* Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em năm 2024” cấp thị xã đạt 04 giải (1 nhất, 1 nhì, 2KK)

Hội thi tin học trẻ:

+ Cấp thị xã đạt 10 giải (1 nhì, 4ba, 5 kk)

+ Cấp tỉnh: 03 (1ba, 2kk).

+ Vòng quốc gia khu vực: 01 hs.

\* Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp quốc gia: 02 giải ba

\* Cuộc thi Em vẽ Việt Nam, em vẽ nước Nga” cấp quốc gia: 01 giải (1 nhất, 1KK)

\* Cuộc thi Toán ASMO (qua mạng Internet) vòng quốc gia: 134 hs đạt giải

( 1HCV, 42 HCB, 77 HCD, 14 KK.

\* Cuộc thi IOE, Violympic vòng quốc gia: 11 giải ( 1 KK IOE; 5 HCD VOL; 5 KK VOL)

\* Kết quả các môn thi tại Hội khỏe phù đồng:

- Cấp thị xã: Đạt Nhất toàn đoàn với 79 huy chương các loại (31 HCV, 12 HCB, 32 HCD, 3KK)

- Cấp tỉnh: 16 Huy chương ( 6 HCV, 10 HCB)

- Cấp quốc gia: 03 HCB.

\* Giao lưu Tiếng Anh cấp thị xã đạt giải Nhì toàn đoàn, 01 giải Nhất phần thi hùng biện, 01 giải nhì phần thi đồng đội.

#### **4. Về đầu tư cơ sở vật chất:**

+ Khai thác và sử dụng hiện quả cơ sở vật chất nhà trường: hệ thống điều hòa, sân cỏ, công trình vệ sinh...

+ Huy động sử tài trợ của CMHS lớp 9 năm học 2022-2023 tăng ti vi màn hình lớp (92in) để phục vụ các hoạt động ngoại khóa cho học sinh nhà trường.

+ Giáo dục học sinh ý thức sử dụng và bảo quản CSVC nhà trường.

- Hệ thống phòng học thông minh, nhiều thiết bị đã hết thời gian bảo hành, hỏng hóc nhiều phải sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên ( nguồn kinh phí rất lớn), vì vậy giáo viên, học sinh cần có ý thức trách nhiệm cao trong việc sử dụng và bảo quản ( CMHS phối hợp với nhà trường nhắc nhở giáo dục con em mình ý thức giữ gìn tài sản của công...).

+ Đảm bảo đầy đủ SGK, tài liệu tham khảo phục vụ giáo viên, học sinh, CMHS (thư viện điện tử nhà trường đã hoạt động từ tháng 1 năm 2024, CMHS có thể mượn tài khoản của con để tham gia đọc sách tại thư viện điện tử nhà trường, tham khảo các tư liệu học tập để hỗ trợ con em mình).

#### **5. Các hoạt động từ thiện, nhân đạo:**

Năm học 2023-2024 với tinh thần tương thân, tương ái, nhà trường đã tiếp tục phát động chương trình nuôi lợn nhân đạo giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn trong trường, lớp. Nhân dịp khai giảng, tết trung thu, tặng thẻ BHYT cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn với số tiền trị giá 43.751.800 đồng (Nhân dịp khai giảng năm học mới nhà trường tặng 20 bộ sách giáo khoa lớp 6,7,8,9 cho học sinh với số tiền: 8.349.000 đồng. Ban đại diện CMHS nhà trường tặng 30 suất quà, mỗi suất trị giá 300.000đ/hs, tổng quà trao tặng là 9.600.000 đồng. Các đơn vị hảo tâm tặng 32 thẻ BHYT với tổng trị giá: 21.772.800 đồng...)

Tặng 1 xuất học bổng trị giá 4.500.000 đồng ( 9 tháng x 500.000 đồng/tháng) cho em Khuất Quỳnh Anh lớp 9D2, học sinh thộc hộ nghèo có thành tích học tập tốt.

#### **6. Công tác phối hợp với cha mẹ học sinh**

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trường, lớp làm tốt công tác từ thiện nhân đạo: Tặng quà nhân dịp khai giảng; tặng thẻ BHYT, BHTT;

tặng quần áo sách vở cho hs nghèo, hs có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân dịp tết trung thu, tết cổ truyền, ngày khuyết tật VN, tặng học bổng cho học sinh nghèo cả năm học (học bổng 500.000đ/tháng) để các em đủ điều kiện đến trường.

+ CMHS hỗ trợ học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp thị xã, cấp tỉnh (hỗ trợ xe đưa đón, hỗ trợ kinh phí ăn trưa...).

+ CMHS hỗ trợ, tặng thưởng học sinh tại các giải tại các HĐNK, TDTT, khen thưởng cuối kỳ, cuối năm học.

+ Phối hợp cùng CMHS tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường (hoạt động học tập gắn với trải nghiệm thực địa) thiết thực, hiệu quả và có ý nghĩa.

+ CMHS phối hợp cùng nhà trường tổ chức thành công nhiều hoạt động ngoại hóa trong năm (tham gia đồng hành cùng giáo viên, học sinh trường, lớp trong các hoạt động văn nghệ, TDTT, trải nghiệm...)

## **7. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024:**

### *- Những chuyển biến:*

Trong năm học 2023 - 2024 vừa qua trường THCS Mạo Khê II đã nhận được sự quan tâm về mọi mặt từ các cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

+ Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh do chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì ở mức tốt. Tỷ lệ học sinh đạt điểm cao trong thi tuyển vào lớp 10 THPT nhiều (TB phổ điểm 6,31 đ/môn), có 6 học sinh đỗ vào trường Chuyên hạ Long, 5 hs đạt điểm 10 môn TA;

+ Thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 6,7,8: Kế hoạch xây dựng theo hướng mở, linh hoạt; đảm bảo phân bổ hợp lí giữa các nội dung giáo dục; Thời khóa biểu sắp xếp khoa học, căn cứ vào thời lượng các môn học, số tiết ngoại khóa, tiết tăng thêm, KNS,...phù hợp thực tế địa phương, đúng theo hướng dẫn của cấp trên.

Giáo viên đã chủ động thiết kế từng bài phương pháp dạy học phù hợp cho từng đối tượng HS. Xây dựng kế hoạch sát với thực tế, đặc biệt phù hợp với đối tượng học sinh, 100% giáo viên đã sử dụng thiết bị đồ dùng, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy như xây dựng kế hoạch và dạy tại các phòng học thông minh. Học sinh có ý thức, hợp tác - chủ động tham gia hoạt động, học tập. Việc nghiên cứu và thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT giáo viên hiểu và vận dụng đúng nghiêm túc trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, sử dụng phần mềm SMAS trong quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh.

+ Công tác đổi mới trong quản lý có hiệu quả tốt. Đội ngũ có sự chuyển biến mạnh mẽ về đổi mới phương pháp dạy học đặc biệt là hiệu quả ứng dụng CNTT trong giảng dạy được nâng cao.

+ Đội ngũ có sự chuyển biến tốt về tích cực tham gia các phong trào thi đua để xây dựng phát triển nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học đặc biệt là hiệu quả ứng dụng CNTT trong giảng dạy được nâng cao.

+ Chất lượng giáo dục thể chất: Các hoạt động TDTT đa dạng, phong phú thu hút được đông đảo học sinh tham gia.

+ Công tác xã hội hoá giáo dục có chuyển biến tốt, các lực lượng xã hội, đặc biệt là CMHS tham gia tích cực các HĐ giáo dục của nhà trường.

- Nhiều tiết học giáo viên chưa thực sự đổi mới, phương pháp, kỹ thuật dạy học, vẫn còn hiện tượng trình chiếu kiến thức SGK, chưa phân công nhiệm vụ, tổ chức cho hs làm việc nhóm, chưa tạo sự hứng thú đối với tiết học cho học sinh, cá biệt một số môn giáo viên vẫn sử dụng phương pháp độc thoại (giáo viên đặt câu hỏi, học sinh trả lời, chốt kiến thức, ghi vở...), chưa khai thác nguồn học liệu mở để vận dụng vào tiết dạy.

- Nhiều giáo viên chưa chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; chưa dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng, chưa rèn cho học sinh kỹ năng ghi vở.

- Kết quả chất lượng mũi nhọn: Nhiều môn tụt hạng bậc trong vị trí xếp hạng về số lượng và chất lượng giải tại kỳ thi chọn HSG cấp thị xã, cấp tỉnh (tiếng Anh, GDCCD, lịch sử, Vật lý, tin học).

### ***Nguyên nhân:***

- Do số lớp trường đông 32 lớp/20 phòng học, nhà trường tổ chức học 2 ca, khối 6,7 học theo CT GDPT 2018 (29 tiết, 14 lớp 31 tiết/tuần) vì vậy thời gian dành cho sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tổ chức các CLB cho học sinh rất eo hẹp.

- Nhiều giáo viên chưa tích cực trong việc tự học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học (chưa biết phân công nhiệm vụ, tổ chức cho hs làm việc nhóm, chưa tạo sự hứng thú đối với tiết học cho học sinh; chưa chú trọng rèn cho học sinh phương pháp tự học).

- Đề kiểm tra giữ kỳ, cuối kỳ ở một số môn chưa có tính phân hóa rõ ràng phân bổ tỷ lệ các câu hỏi mang tính vận dụng còn ít (vận dụng thấp, vận dụng cao), nên công tác đánh giá xếp loại học sinh mức xuất sắc và giỏi khá cao.

- Có sự phân hóa rõ rệt đối với học sinh, một bộ phận nhỏ học sinh chưa có ý thức học tập nên kết quả học tập còn yếu. Nguyên nhân từ ý thức của học sinh và sự phối hợp của gia đình với giáo viên chưa tốt. Một số gia đình có tư tưởng cho con cái không học, gây khó khăn cho giáo dục của nhà trường.

- Kết quả chất lượng mũi nhọn của nhà trường (kết quả các cuộc thi HSG các môn văn hóa rất thấp): Do định hướng ôn luyện của các thầy cô chưa sát với cấu

trúc đề thi trong một vài năm gần đây (Đề thi học sinh giỏi theo hướng đề mở nên một số giáo viên ôn luyện của nhà trường chưa theo kịp, vẫn ôn luyện theo lối mòn cũ, chưa hướng dẫn được cho học sinh tự học, tự nghiên cứu nhiều.

- Nhiều học sinh còn chưa thật nghiêm túc xác định đúng trách nhiệm của mình khi tham gia các đội tuyển, (được chọn vào các đội tuyển cấp thị xã tham dự thi cấp tỉnh không muốn tham gia tập trung ôn luyện, hoặc tham gia mang tính chất chống đối); tâm lý của phụ huynh lo lắng, áp lực tuyển sinh vào lớp 10, nhiều phụ huynh không muốn con em mình tham gia các đội tuyển với lý do dành thời gian ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT...

- Theo Thông tư 20/2023/TT-BGD số lượng GV, nhân viên thiếu: (8); cơ cấu, vị trí việc làm: (thiếu GV Địa lý, Âm nhạc), 02 giáo viên tiếng Pháp không có trong vị trí việc làm theo thông tư; thiếu nhân viên thiết bị thí nghiệm, do đó khó khăn trong phân công nhiệm vụ.

- CSVN: Đồ dùng dạy học của HS khối lớp thực hiện chương trình GDPT 2018 đã thực hiện mua sắm, nhưng nhà thầu chưa thực hiện nghiệm thu và bàn giao kịp thời, khó khăn cho GV khi giảng dạy.

- Học sinh: Một bộ phận nhỏ học sinh chưa nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ học tập, rèn luyện, trong khi đó lại thiếu sự quan tâm của gia đình nên công tác nâng cao chất lượng giáo dục còn gặp khó khăn.

Học sinh khuyết tật năm học 2023-2024 (22 học sinh), số lượng học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhiều (33) ảnh hưởng đến hiệu quả công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục học sinh.

Trường THCS Mạo Khê II là một trong các trường phổ thông nằm trong Đề án xây dựng trường học thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, do vậy số tài sản, thiết bị thông minh rất lớn, tuy nhiên nhiều năm nay nhà trường không có vị trí nhân viên phụ trách thiết bị dạy học (CNTT), rất khó khăn cho công tác quản lý của nhà trường.

### **III. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.**

#### **1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024-2025**

| <b>Khối lớp</b> | <b>Số lớp</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Nữ</b>  | <b>Dân tộc</b> | <b>Hộ nghèo</b> | <b>Hộ cận nghèo</b> | <b>Con TB, BB, MSLĐ</b> | <b>Khuyết tật</b> | <b>HS có HCKK</b> |
|-----------------|---------------|-----------------|------------|----------------|-----------------|---------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>6</b>        | 8             | 329             | 163        | 3              | 0               | 2                   | 1                       | 6                 | 6                 |
| <b>7</b>        | 9             | 402             | 194        | 1              | 0               | 1                   | 8                       | 7                 | 12                |
| <b>8</b>        | 8             | 341             | 163        | 1              | 0               | 2                   | 8                       | 7                 | 9                 |
| <b>9</b>        | 7             | 315             | 152        | 1              | 0               | 1                   | 8                       | 3                 | 3                 |
| <b>TC</b>       | <b>32</b>     | <b>1387</b>     | <b>672</b> | <b>6</b>       | <b>0</b>        | <b>6</b>            | <b>25</b>               | <b>23</b>         | <b>30</b>         |

## 2. Thực hiện chương trình phổ thông

- **Khối lớp 6, 7, 8,9:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018), Các tổ, nhóm chuyên môn thực hiện theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học.

- Với phương châm giáo dục: Giáo dục trung học cơ sở triển khai Chương trình giáo dục phổ thông theo phương châm kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

- Với nội dung giáo dục: Thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kì vọng. Tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và nội dung giáo dục địa phương, được lồng ghép, tích hợp vào các môn học theo bài học/chủ đề, hoạt động giáo dục của các cấp học với nội dung, thời lượng phù hợp; tăng cường tổ chức cho học sinh được tham quan trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, các nhà máy, các cơ sở sản xuất, cơ quan văn hoá, ... của địa phương để phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội đối với giáo dục. Nội dung giáo dục phải bám sát, song hành với phương thức kiểm tra đánh giá theo hướng chuyển dần từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá năng lực, phẩm chất của người học, đo lường sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của các môn học, nội dung hoạt động giáo dục, bảo đảm độ tin cậy, công bằng, khách quan.

- Thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Đông Triều. Trên cơ sở Nghị quyết số 05/NQ/ĐU Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Mạo Khê, nhà trường thực hiện các chương trình, đề án và nhiệm vụ chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác Quản lý Nhà nước đối với giáo dục trung học cơ sở; phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhà trường trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đồng thời gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường năng lực xây dựng, tổ chức triển khai, kiểm tra giám sát và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch thực hiện trong phạm vi cho trách nhiệm nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

- Nâng cao năng lực tham mưu, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ; thông qua các hoạt động, công tác phối hợp để tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Giải quyết và tham mưu giải quyết các nhiệm vụ được giao đúng quy định và đảm bảo yêu cầu nội dung và đúng tiến độ.

**\* Thực hiện khung chương trình môn học**

Căn cứ khung chương trình giáo dục hiện hành và Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và kế hoạch giảng dạy của các tổ (nhóm) chuyên môn, nhà trường duyệt kế hoạch giảng dạy cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo quy định được tổ chức giảng dạy trong nhà trường, bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lý, khoa học.

**- Thời gian thực hiện chương trình giáo dục cả năm học: 35 tuần**(Phụ lục kèm theo).

**Học kỳ I:** 18 tuần thực dạy từ 5/9/2024 đến 8/01/2025 trong đó: Kiểm tra giữa Học kỳ I: Tuần 8, 9; Kiểm tra cuối Học kỳ I vào tuần 17 đối với các môn đánh giá bằng bằng nhận xét, nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số; tuần 18 đối với các môn đánh giá điểm số.

Tuần 19, tuần đệm (tuần dự phòng từ ngày 9-11/1/2025 để đảm bảo có thể linh hoạt trong xây dựng kế hoạch thời gian năm học: bố trí dạy học bù...)

**Học kỳ II:** 17 tuần thực dạy từ 13/01/2025 đến 24/5/2025 trong đó: Kiểm tra giữa Học kỳ 2: tuần 25,26; Kiểm tra cuối học kỳ II: Tuần 31 đối với lớp 9 (từ 26/4/2025 đến 29/4/2025), tuần 34 (từ 12/5/2025 đến 17/5/2025) đối với lớp 6,7,8 đối với các môn đánh giá bằng điểm số; Các môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số lớp 6,7,8 tuần 33.

Nghỉ tết âm lịch: Từ 25/1/2025->8/2/2025;

Dự kiến xét tốt nghiệp THCS trước ngày 20/5/2025.

Kết thúc chương trình Học kỳ 2 đối với các lớp 9: ngày 17/5/2025

Kết thúc chương trình Học kỳ 2 đối với các lớp 6,7,8: Ngày 24/5/2025

Kết thúc năm học 2024-2025: 30/5/2025.

## **I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Mục tiêu chung:**

**Thực hiện chủ đề năm học 2024 - 2025: “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”**

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; chú trọng duy trì và nâng cao chất lượng học sinh lớp cuối cấp; phát huy vai trò của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó đặt nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng dạy học nhằm đạt và giữ vững chỉ tiêu theo Chỉ thị 38/CT-TU.

Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học trong Chương trình.

Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá tích cực

theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức dạy học, chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức đánh giá học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Phát huy nguồn lực hiện có, thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục đúng qui định nhằm triển khai có kết quả các chương trình, đề án, kế hoạch của thị xã, phòng GD&ĐT.

Thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn. Tổ chức tập huấn về kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với các hoạt động chuyên môn (dạy học trực tuyến trên nền tảng OLM; sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, sản xuất học liệu điện tử...).

Thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm các điều kiện tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật; đầu tư, mua sắm trang thiết bị, sử dụng phần mềm quản lý dạy học; tạo lập nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp học liệu số, tăng cường sử dụng học liệu số e-learning tương tác để triển khai có hiệu quả việc dạy học đồng thời thực hiện theo lộ trình chuyển đổi số theo Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 về ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số Ngành giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 843/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 của Sở GD&ĐT về chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2024.

Triển khai thực hiện các quy định về xây dựng, phê duyệt, sử dụng học liệu số tại đơn vị; xây dựng giải pháp thực hiện để đến tháng 12 năm 2025, đảm bảo tỉ trọng tối thiểu nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 10%.

Xây dựng kế hoạch, xác định lộ trình thực hiện bài giảng e-learning tương tác theo chương trình môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông, hiệu trưởng nhà trường phân công các tổ/nhóm chuyên môn và quy định cách thức phê duyệt học liệu số để xây dựng kho học liệu số tại đơn vị theo lộ trình sau:

+ Xây dựng kho học liệu số theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho các môn học, nội dung giáo dục thuộc lớp 6, lớp 7 và lớp 8,9 đến tháng 5 năm 2025 (Tổ chuyên môn thẩm định và tổng hợp trình hiệu trưởng phê duyệt theo tháng).

+ Huy động nguồn trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà giáo trong đổi mới nội dung và đổi mới phương pháp dạy học thúc đẩy khả năng tự học, học theo hướng dẫn và hướng đến học tập suốt đời cho người học.

Thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn:

+ Tổ chức tập huấn về nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với các hoạt động chuyên môn.

+ Thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm các điều kiện tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật; đầu tư, mua sắm trang thiết bị, sử dụng phần mềm quản lý dạy học; tạo lập nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp học liệu số, tăng cường sử dụng học liệu số e-learning tương tác để triển khai có hiệu quả việc dạy học đồng thời thực hiện theo lộ trình chuyển đổi số theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Triển khai thực hiện các quy định về xây dựng, phê duyệt, sử dụng học liệu số tại đơn vị; xây dựng giải pháp thực hiện để đến tháng 12 năm 2025, đảm bảo tỉ trọng tối thiểu nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 10-15%.

+ Xây dựng kế hoạch, xác định lộ trình thực hiện bài giảng e-learning tương tác theo chương trình môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông, hiệu trưởng nhà trường phân công các tổ/nhóm chuyên môn và quy định cách thức phê duyệt học liệu số để xây dựng kho học liệu số tại đơn vị theo lộ trình sau:

+ Xây dựng kho học liệu số theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho các môn học, nội dung giáo dục thuộc lớp 6, lớp 7 và lớp 8, 9 đến tháng 5 năm 2025.

Huy động nguồn trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà giáo trong đổi mới nội dung và đổi mới phương pháp dạy học thúc đẩy khả năng tự học, học theo hướng dẫn hướng đến học tập suốt đời cho người học. Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học cho giáo viên và học sinh.

## 2. Mục tiêu cụ thể:

### 2.1. Chất lượng giáo dục theo từng khối lớp:

\* Chất lượng học sinh lớp 6 theo chương trình GDPT 2018

| - 2.1.1. Về năng lực |                  |                            |                                              |                  |             |             |              |            |             |             |
|----------------------|------------------|----------------------------|----------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|--------------|------------|-------------|-------------|
| TS HS<br>329 hs      | Tự chủ<br>Tự học | Giao<br>tiếp<br>Hợp<br>tác | Giải<br>quyết<br>vấn đề<br>và<br>sáng<br>tạo | Năng lực đặc thù |             |             |              |            |             |             |
|                      |                  |                            |                                              | Ngôn<br>Ngữ      | Toán<br>học | Khoa<br>học | Công<br>nghệ | Tin<br>học | Thẩm<br>mỹ  | Thể<br>chất |
| SL                   | 215              | 221                        | 149                                          | 215              | 205         | 198         | 294          | 258        | 271         | 298         |
| Tỷ lệ                | 65,3             | 67,1                       | 45,2                                         | 65,3             | 62,3        | 60,2        | 89,4         | 78,4       | 82,         | 90,6        |
| 2.1.2 Về phẩm chất:  |                  |                            |                                              |                  |             |             |              |            |             |             |
| TSHS<br>329 hs       | Yêu nước         |                            | Nhân ái                                      |                  | Chăm chỉ    |             | Trung thực   |            | Trách nhiệm |             |
|                      | Tốt              | Đạt                        | Tốt                                          | Đạt              | Tốt         | Đạt         | Tốt          | Đạt        | Tốt         | Đạt         |
| SL                   | 322              | 7                          | 312                                          | 17               | 269         | 60          | 247          | 82         | 250         | 79          |
| Tỷ lệ                | 97,9             | 2,1                        | 94,8                                         | 5,2              | 81,7        | 18,3        | 75,1         | 24,9       | 76          | 24          |

\* Chất lượng học sinh lớp 7 theo chương trình GDPT 2018

| <b>- 2.1.1. Về năng lực</b>  |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| <b>TS HS<br/>402 hs</b>      | <b>Tự<br/>chủ<br/>Tự<br/>học</b> | <b>Giao<br/>tiếp<br/>Hợp<br/>tác</b> | <b>Giải<br/>quyết<br/>vấn đề<br/>và<br/>sáng<br/>tạo</b> | <b>Năng lực đặc thù</b> |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|                              |                                  |                                      |                                                          | <b>Ngôn<br/>Ngữ</b>     | <b>Toán<br/>học</b> | <b>Khoa<br/>học</b> | <b>Công<br/>nghệ</b> | <b>Tin<br/>học</b> | <b>Thẩm<br/>mỹ</b> | <b>Thể<br/>chất</b> |
| <b>SL</b>                    | 295                              | 220                                  | 130                                                      | 215                     | 210                 | 200                 | 300                  | 260                | 280                | 290                 |
| <b>Tỷ lệ</b>                 | 73,4                             | 54,7                                 | 32,3                                                     | 53,5                    | 52,2                | 49,8                | 74,6                 | 64,7               | 69,7               | 72,1                |
| <b>- 2.1.2 Về phẩm chất:</b> |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
| <b>TSHS<br/>402 hs</b>       | <b>Yêu nước</b>                  |                                      | <b>Nhân ái</b>                                           |                         | <b>Chăm chỉ</b>     |                     | <b>Trung thực</b>    |                    | <b>Trách nhiệm</b> |                     |
|                              | <b>Tốt</b>                       | <b>Đạt</b>                           | <b>Tốt</b>                                               | <b>Đạt</b>              | <b>Tốt</b>          | <b>Đạt</b>          | <b>Tốt</b>           | <b>Đạt</b>         | <b>Tốt</b>         | <b>Đạt</b>          |
| <b>SL</b>                    | 396                              | 6                                    | 380                                                      | 12                      | 320                 | 82                  | 340                  | 62                 | 352                | 50                  |
| <b>Tỷ lệ</b>                 | 98,5                             | 1,5                                  | 94,5                                                     | 5,5                     | 79,6                | 20,4                | 84,6                 | 15,4               | 87,6               | 12,4                |

\* Chất lượng học sinh lớp 8 theo chương trình GDPT 2018

| <b>- 2.1.1. Về năng lực</b>  |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| <b>TS HS<br/>341hs</b>       | <b>Tự<br/>chủ<br/>Tự<br/>học</b> | <b>Giao<br/>tiếp<br/>Hợp<br/>tác</b> | <b>Giải<br/>quyết<br/>Vấn<br/>đề Và<br/>sáng<br/>tạo</b> | <b>Năng lực đặc thù</b> |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|                              |                                  |                                      |                                                          | <b>Ngôn<br/>Ngữ</b>     | <b>Toán<br/>học</b> | <b>Khoa<br/>học</b> | <b>Công<br/>nghệ</b> | <b>Tin<br/>học</b> | <b>Thẩm<br/>mỹ</b> | <b>Thể<br/>chất</b> |
| <b>SL</b>                    | 276                              | 243                                  | 158                                                      | 276                     | 205                 | 204                 | 291                  | 289                | 267                | 292                 |
| <b>Tỷ lệ</b>                 | 80,9                             | 71,3                                 | 46,3                                                     | 80,9                    | 60,1                | 59,8                | 85,3                 | 81,8               | 78,3               | 85,6                |
| <b>- 2.1.2 Về phẩm chất:</b> |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
| <b>TSHS<br/>341 hs</b>       | <b>Yêu nước</b>                  |                                      | <b>Nhân ái</b>                                           |                         | <b>Chăm chỉ</b>     |                     | <b>Trung thực</b>    |                    | <b>Trách nhiệm</b> |                     |
|                              | <b>Tốt</b>                       | <b>Đạt</b>                           | <b>Tốt</b>                                               | <b>Đạt</b>              | <b>Tốt</b>          | <b>Đạt</b>          | <b>Tốt</b>           | <b>Đạt</b>         | <b>Tốt</b>         | <b>Đạt</b>          |
| <b>SL</b>                    | 325                              | 16                                   | 324                                                      | 17                      | 210                 | 131                 | 234                  | 107                | 289                | 52                  |
| <b>Tỷ lệ</b>                 | 95,3                             | 4,7                                  | 95                                                       | 5                       | 61,6                | 38,4                | 68,6                 | 31,4               | 84,8               | 15,2                |

\* Chất lượng học sinh lớp 9 theo chương trình GDPT 2018

| <b>- 2.1.1. Về năng lực</b>  |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| <b>TS HS<br/>316 hs</b>      | <b>Tự<br/>chủ<br/>Tự<br/>học</b> | <b>Giao<br/>tiếp<br/>Hợp<br/>tác</b> | <b>Giải<br/>quyết<br/>Vấn đề<br/>Và<br/>sáng<br/>tạo</b> | <b>Năng lực đặc thù</b> |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
|                              |                                  |                                      |                                                          | <b>Ngôn<br/>Ngữ</b>     | <b>Toán<br/>học</b> | <b>Khoa<br/>học</b> | <b>Công<br/>nghệ</b> | <b>Tin<br/>học</b> | <b>Thẩm<br/>mỹ</b> | <b>Thể<br/>chất</b> |
| <b>SL</b>                    | 309                              | 310                                  | 305                                                      | 300                     | 301                 | 298                 | 308                  | 310                | 308                | 310                 |
| <b>Tỷ lệ:</b>                | 97,8                             | 98,1                                 | 96,5                                                     | 94,9                    | 95,3                | 94,3                | 97,5                 | 98,1               | 97,5               | 98,1                |
| <b>- 2.1.2 Về phẩm chất:</b> |                                  |                                      |                                                          |                         |                     |                     |                      |                    |                    |                     |
| <b>TSHS<br/>316 hs</b>       | <b>Yêu nước</b>                  |                                      | <b>Nhân ái</b>                                           |                         | <b>Chăm chỉ</b>     |                     | <b>Trung thực</b>    |                    | <b>Trách nhiệm</b> |                     |
|                              | <b>Tốt</b>                       | <b>Đạt</b>                           | <b>Tốt</b>                                               | <b>Đạt</b>              | <b>Tốt</b>          | <b>Đạt</b>          | <b>Tốt</b>           | <b>Đạt</b>         | <b>Tốt</b>         | <b>Đạt</b>          |
| <b>SL</b>                    | 316                              | 0                                    | 302                                                      | 14                      | 301                 | 15                  | 302                  | 14                 | 298                | 18                  |
| <b>Tỷ lệ</b>                 | 100                              | 0                                    | 95,6                                                     | 4,4                     | 95,3                | 4,7                 | 95,6                 | 4,4                | 94,3               | 5,7                 |

## 2.2. Chất lượng bộ môn lớp 6,7,8,9

| <b>TT</b> | <b>Môn</b>            | <b>Sĩ số</b> | <b>Giỏi (Đạt)</b> |          | <b>Trung bình<br/>(Đạt) trở lên</b> |          | <b>Yếu (CĐ)</b> |          |
|-----------|-----------------------|--------------|-------------------|----------|-------------------------------------|----------|-----------------|----------|
|           |                       |              | <b>SL</b>         | <b>%</b> | <b>SL</b>                           | <b>%</b> | <b>SL</b>       | <b>%</b> |
| 1         | Toán 6,7,8,9          | 1388         | 536               | 38,6     | 822                                 | 59,2     | 30              | 2,2      |
| 2         | Văn 6,7,8,9           | 1388         | 475               | 34,2     | 903                                 | 65,8     | 0               | 0        |
| 3         | Anh 6,7,8,9           | 1388         | 576               | 41,5     | 790                                 | 61,3     | 22              | 1,7      |
| 4         | KHTN 6,7,8,9          | 1388         | 1020              | 73,48    | 350                                 | 25,21    | 18              | 1,31     |
| 5         | LS&DL 6,7,8,9         | 1388         | 640               | 46,1     | 648                                 | 53,9     | 0               | 0        |
| 6         | Tin 6,7,8,9           | 1388         | 1096              | 78,9     | 251                                 | 18,1     | 41              | 3        |
| 7         | GDCD 6,7,8,9          | 1388         | 1240              | 89,3     | 148                                 | 10,7     | 0               | 0        |
| 8         | CNghệ 6,7,8,9         | 1388         | 970               | 70       | 323                                 | 23       | 95              | 7        |
| 9         | T.Pháp 6,7,8,9        | 1288         | 1288              | 100      | 1288                                | 100      | 0               | 0        |
| 10        | Nghệ thuật<br>6,7,8,9 | 1388         | 1388              | 100      | 0                                   | 0        | 0               | 0        |
| 11        | GDTC 6,7,8,9          | 1388         | 876               | 63,2     | 512                                 | 36,8     | 0               | 0        |
| 12        | GDĐP 6,7,8,9          | 1388         | 978               | 70,5     | 410                                 | 29,5     | 0               | 0        |

### 2.3. Chất lượng mũi nhọn:

- 100% số học sinh nhà trường tham gia các cuộc thi tìm hiểu (bài viết, thi trực tuyến do các cấp, các ngành phát động).
- Kỳ thi HSG lớp 9: Cấp thị xã: đạt 55-60 giải (trong đó có 1-2 giải nhất: 40% số giải đạt từ giải Ba trở lên), cấp tỉnh: 28-30 giải (50% số giải đạt từ giải Ba trở lên).
- Kỳ thi tuyển sinh vào 10: Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường THPT Công lập đạt tỷ lệ: 68-70%/tổng số HS dự thi. (điểm bình quân các môn Văn-Toán- Tiếng Anh: 6,00- 6,45- 7,30), có từ 5-6 học sinh đỗ Chuyên Hạ Long.
- Cuộc thi KHKT: Cấp thị xã: 05 giải; có 2 dự án thi chọn thi cấp tỉnh và đạt giải.
- Cuộc thi STTTNNĐ: Có 6-8 sản phẩm dự thi STTTNNĐ đạt giải cấp thị xã; 02 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh.
- Cuộc thi giao lưu các bộ môn văn hoá lớp 8: có đủ các đội tuyển tham dự, đạt từ 40-50 giải.
- 30% số học sinh nhà trường tham gia các sân chơi trí tuệ: Thi Tìm kiếm tài năng toán học, cuộc thi qua mạng internet, cuộc thi cùng em kiến tạo tương lai, hùng biện Tiếng Anh...
- Cuộc thi Đại sứ văn hoá đọc: Có giải cấp tỉnh.
- Giải Nhất: giao lưu tiếng Anh cấp thị xã
- \* Các cuộc thi do Bộ GD&ĐT; Bộ GD phối hợp với các bộ khác tổ chức: Phần đầu có từ 1-2 giải
- Đạt giải các nội dung thi đấu tại các giải TDTT thị xã Đông Triều: Phần đầu đạt giải Nhất các môn thi: Cầu lông, Bóng đá.

### 3. Nội dung thực hiện

#### 3.1. Thực hiện chương trình môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc:

\* **Khối 6, 7, 8,9:** Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, GDCD, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nội dung giáo dục địa phương.

| TT | Môn học             | Học kỳ |     | Tổng số tiết |
|----|---------------------|--------|-----|--------------|
|    |                     | HK1    | HK2 |              |
| 1  | Ngữ văn             | 4      | 4   | 140          |
| 2  | Lịch sử và địa lí * | 3      | 3   | 105          |
| 3  | Ngoại ngữ 1         | 3      | 3   | 105          |
| 4  | Toán                | 4      | 4   | 140          |

|                           |                                     |                      |    |    |      |
|---------------------------|-------------------------------------|----------------------|----|----|------|
| 5                         | Khoa học tự nhiên *                 |                      | 4  | 4  | 140  |
| 6                         | GD công dân                         |                      | 1  | 1  | 35   |
| 7                         | Công nghệ 6,7                       |                      | 1  | 1  | 35   |
|                           | Công nghệ 8,9                       |                      | 2  | 1  | 52   |
| 8                         | Nghệ thuật                          | Âm nhạc              | 1  | 1  | 70   |
|                           |                                     | Mĩ thuật             | 1  | 1  |      |
| 9                         | Giáo dục thể chất                   |                      | 2  | 2  | 70   |
| 10                        | Tin học                             |                      | 1  | 1  | 35   |
| 11                        | GD địa phương                       |                      | 1  | 1  | 35   |
| 12                        | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | SHDC                 | 1  | 1  | 105  |
|                           |                                     | SHL                  | 1  | 1  |      |
|                           |                                     | Giáo dục theo chủ đề | 1  | 1  |      |
| Số tiết/tuần (cả năm học) |                                     |                      |    |    |      |
| Khối 6, 7                 |                                     |                      | 29 | 29 | 1015 |
| Khối 8, 9                 |                                     |                      | 30 | 29 | 1032 |

**\* Đối với một số môn học các hoạt động giáo dục bắt buộc:**

*+ Đối với môn Khoa học tự nhiên*

Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo trình tự logic sắp xếp các chủ đề của chương trình môn học. Phân công từng cá nhân giáo viên giảng dạy cả môn học đối với khối 6,7; phân công giáo viên giảng dạy từng lĩnh vực đối với khối 8,9.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì được thực hiện trong quá trình dạy học môn học theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

*+ Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:*

Thực hiện theo Công văn số 1055/SGDĐT-GDPT ngày 08/5/2023 của Sở GDĐT và Công văn số 675/PGD&ĐT ngày 13/5/2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trung học trong Chương trình GDPT 2018.

Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn; giáo viên đảm nhận nội dung nào được thể hiện trên kế hoạch giáo dục và được tính giờ thực hiện đối với nội dung đó theo phân phối chương trình (không trùng với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành).

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo 105 tiết/năm, tổ chức thông qua 4 loại hình chủ yếu là sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt câu lạc bộ. Hoạt động này có sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lý học đường, TPT Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, CBQL nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội. HĐTN, HN cho HS được tổ chức phong phú, đa dạng sẽ là môi trường, điều kiện thuận lợi giúp HS phát triển nhân cách một cách tốt nhất; linh hoạt thời lượng dành cho các loại hình hoạt động với quy mô tổ chức khác nhau giữa các tuần; phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường, bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

+ *Đối với nội dung giáo dục địa phương:*

Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 3107/SGDĐT-GDPT ngày 28/10/2022 của Sở GDĐT và Công văn số 1422/PGD&ĐT ngày 04/12/2022 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn dạy học nội dung giáo dục địa phương cấp trung học theo Chương trình GDPT 2018:

- Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương. Căn cứ vào nội dung giáo dục của địa phương, nhà trường phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của giáo viên.

- Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

- Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ *Đối với Môn Lịch sử và Địa lí*

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì.

Đối với các chủ đề chung, phân công giáo viên có năng lực chuyên môn phù hợp để dạy học chủ đề chung.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung đến thời điểm kiểm tra, đánh giá. Giáo viên được phân công dạy học chủ đề chung, chịu trách nhiệm việc kiểm tra, đánh giá chủ đề chung (gồm đánh giá thường xuyên và định kì).

+ *Đối với môn Nghệ thuật*

Chương trình môn Nghệ thuật gồm 02 nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật. Việc tổ chức dạy học bố trí dạy học đồng thời các nội dung bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kỳ.

Việc kiểm tra, đánh giá: Mỗi nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật chọn 01 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong từng học kỳ; khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, sản phẩm học tập hoặc dự án học tập. Bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt.

### **3.2. Thực hiện các hoạt động giáo dục không bắt buộc:**

Nhà trường tổ chức các câu lạc bộ học thuật, năng khiếu (TDTT, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, CLB Khoa học (STEM, STEAM...) dành cho tất cả học sinh khối 6, 7, 8, 9 để tạo sân chơi cho các em, vừa phát hiện đào tạo bồi dưỡng nhân tài.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lao động, tham quan hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hội thi, các phong trào để các em phát triển năng lực và phẩm chất.

Tổ chức nghi lễ chào cờ (đơn vị lớp): Thực hiện 10 phút đầu giờ ngày thứ 2 hàng tuần đối với tất cả các lớp.

Tiết sinh hoạt lớp: GVCN chủ động xây dựng kế hoạch, thời gian sinh hoạt lớp để phổ biến kế hoạch chung cho từng tuần/tháng, đảm bảo không trùng lặp vào tiết học, môn học của học sinh (báo cáo đ/c PHT phụ trách HĐGD trong nhà trường để thực hiện công tác kiểm tra giám sát).

Tổ chức dạy môn học tự chọn: Ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp) đối với các em học sinh có nguyện vọng (thời lượng 2 tiết/tuần).

#### **\* Hoạt động hướng nghiệp**

Thực hiện có chất lượng hoạt động Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 để góp phần đảm bảo việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Giúp học sinh hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai; biết được một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; về thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động; hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận với kiến thức nghề nghiệp, hình thành các kỹ năng và thái độ đúng đắn để chọn nghề phù hợp với cá nhân, năng lực bản thân và nhu cầu xã hội. Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp, biết cách tìm kiếm thông tin nghề, tự đánh giá năng lực bản thân và điều kiện gia đình, từ đó có ý thức chủ động và tự tin chọn được hướng đi đúng đắn sau bậc trung học cơ sở, nghề nghiệp tương lai của bản thân.

#### **\* Hoạt động ngoại khóa**

Tổ chức kỉ niệm các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ với nhiều hình thức phong phú: văn nghệ, vẽ tranh, đồ vui học tập, mittinh, thi TDTT,...

Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về phòng chống xâm hại trẻ em, bình đẳng giới, sống có trách nhiệm, sống nguồn yêu thương, phòng chống bạo lực học đường, đối thoại giữa BGH nhà trường với học sinh.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong bộ môn thông qua nhiều hình thức, các hội thi sáng tác tranh nghệ thuật theo chủ đề, hội thi stem robocon, hội thi cắm hoa, hội thi vẽ tranh, hội thi hùng biện tiếng anh, hội thi lớn lên cùng sách, phát biểu cảm nghĩ về sách, hội thi kể chuyện theo sách.

Tăng cường lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền biển đảo biên giới, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường bằng hình thức tuyên truyền các em trồng và chăm sóc bồn hoa và hãy bỏ rác đúng nơi qui định, giáo dục an toàn giao thông, sức khỏe sinh sản vị thành niên... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường.

Tổ chức cho học sinh tại trường tham quan trải nghiệm học tập thực tế theo kế hoạch GD của trường, và Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông mỗi năm 2 lần- Một lần ở HK1 và 1 lần ở HK2; Tổ chức cho HS lớp 9 tham gia ngày hội tư vấn, tuyển sinh, hướng nghiệp- phân luồng HS sau tốt nghiệp cấp THCS...

*(Đính kèm Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa)*

#### **\* Hoạt động các câu lạc bộ**

Rà soát, hoàn thiện và sắp xếp các CLB về mặt tổ chức và định hướng các CLB đi vào hoạt động có chiều sâu. Xác định rõ mục tiêu của từng CLB để hoạt động CLB thực sự hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy học và là sân chơi bổ ích cho học sinh. Xây dựng hoạt động câu lạc bộ theo các mảng chính gồm: CLB học thuật, CLB STEM- STEAM và CLB năng khiếu. Mỗi CLB có kế hoạch hoạt động riêng và được BGH phê duyệt.

(Đính kèm Kế hoạch tổ chức hoạt động CLB)

**\* Tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường:**

Nhằm để giúp học sinh có điều kiện rèn luyện thêm kỹ năng giải bài tập, kỹ năng tự học, tự rèn, nâng cao chất lượng bộ môn, góp phần củng cố và nâng cao kiến thức, nhà trường tổ chức buổi 2 trong ngày, trên tinh thần tự nguyện. Nhà trường lấy ý kiến đồng thuận và thỏa thuận với phụ huynh mức thu tiết dạy mỗi tiết dạy trong buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm. Đồng thời, GVCN tập hợp đơn đăng ký học thêm trong nhà trường của học sinh có sự đồng thuận của CMHS. Dựa trên cơ sở đó, nhà trường tổng hợp và tổ chức triển khai dạy thêm cho tất cả các khối lớp.

+ Dự kiến: Khối 6, 7, 8: 06 tiết/tuần (Ngữ văn: 02 tiết, Toán: 02 tiết, Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh): 01 tiết; Tin học 01 tiết.

+ Khối 9: 06 tiết/tuần (Ngữ văn: 02 tiết, Toán: 02 tiết, Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh: 02 tiết).

**\* Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém:**

Chú trọng công tác bồi dưỡng HSG nhằm tạo môi trường thuận lợi giúp phát huy năng lực của học sinh cũng như tạo được lực lượng nòng cốt cho các phong trào, các hội thi chuyên môn. Đồng thời, quan tâm hỗ trợ những học sinh yếu, kém có thể tiếp cận tốt hơn yêu cầu học tập.

Bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn văn hoá, hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT...: Tuỳ theo điều kiện về CSVN, thể mạnh từng bộ môn nhà trường sẽ bố trí thời gian ôn luyện cho các đội tuyển từ 1-3 buổi/tuần (mỗi buổi 3 tiết học)

**\* Bồi dưỡng học sinh giỏi:**

Tổ chức thành lập đội tuyển Học sinh giỏi cấp trường từ đầu năm học 2024-2025 ở khối lớp 8,9 chỉ đạo giáo viên chú ý quan tâm hướng dẫn thêm cho học sinh giỏi trong quá trình dạy nhằm tạo nguồn học sinh giỏi để bồi dưỡng. Giáo viên thường xuyên tác động tâm lý đến các em, định hướng cho đối tượng học sinh có học lực từ khá trở lên và điểm trung bình môn bồi dưỡng từ 8.0 điểm trở lên tham gia thi vào đội tuyển. Giáo viên bộ môn kết hợp cùng giáo viên chủ nhiệm có hướng phát triển học sinh từ các lớp 6, 7. Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của tổ chuyên môn, nhóm bộ môn, giáo viên dạy bồi dưỡng.

Họp giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi phân công nhiệm vụ biên soạn nội dung bồi dưỡng theo từng chuyên đề của từng môn sau đó phân công số lượng chuyên đề bồi dưỡng cho từng giáo viên tham gia bồi dưỡng môn học đó và nộp về ban giám hiệu (kèm theo bảng phân công giáo viên bồi dưỡng theo từng chuyên đề). Giáo viên dạy bồi dưỡng chủ động trao đổi, tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, đổi mới nội dung, hình thức bồi dưỡng, kết hợp nhiều hình thức (giảng bài, ra đề kiểm tra, chấm bài, sửa bài và trả bài kiểm tra cho học sinh,...) nhằm mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

Các tiết dạy bồi dưỡng được ghi nhận trong sổ đầu bài.

Các tổ lên kế hoạch, phân công cụ thể cho từng giáo viên, xác định thời gian bồi dưỡng dài hạn từ tháng 10 của năm lớp 8, xác định nhân tố để có hướng giảng dạy nâng cao. Tập trung thời gian hè để học sinh có nhiều thời gian học tập

#### **\* Phụ đạo học sinh yếu**

Sau kiểm tra giữa học kỳ 1, giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh yếu cần phụ đạo, các tổ chuyên môn phân công giáo viên giảng dạy, xây dựng bài soạn đầy đủ với kiến thức cơ bản, cần thiết trọng tâm. Các chủ đề phụ đạo cần thống nhất theo bộ môn, đảm bảo yêu cầu và phù hợp với nhận thức của học sinh. Nội dung ôn tập, phụ đạo chủ yếu tập trung vào việc bù lấp những kiến thức còn thiếu hụt, những kỹ năng còn yếu của học sinh từ những học kỳ, năm học trước. Cùng cố, ôn tập, hệ thống hoá, khắc sâu những kiến thức đã học để học sinh nắm vững kiến thức cơ bản theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đã quy định. Chương trình phụ đạo thực hiện theo kế hoạch phụ đạo đã được tổ chuyên môn thống nhất xây dựng cho từng khối lớp. Trong quá trình phụ đạo, có thể điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp cho phù hợp với đối tượng học sinh.

Các giáo viên trong quá trình phụ đạo cần đảm bảo tính hệ thống, chú trọng phát triển tư duy và kỹ năng học tập, phương pháp nhận thức của môn học.

Giáo viên nghiên cứu tài liệu, có giáo án đầy đủ khi lên lớp, có sổ theo dõi học sinh học tập; kiểm tra đánh giá học tập của học sinh trong quá trình phụ đạo. Vận động học sinh tham gia đầy đủ các buổi ôn tập phụ đạo, tích cực học tập. Thông báo thường xuyên về tình hình phấn đấu, học tập của học sinh cho GVCN để có biện pháp giáo dục, duy trì sĩ số học phụ đạo. Các tiết dạy phụ đạo được ghi nhận trong sổ đầu bài. Thực hiện phụ đạo học sinh qua hình thức trực tuyến, qua trang LMS, qua hình thức dạy trực tiếp ngay từ tháng báo điểm đầu tiên. Đặt chỉ tiêu cho từng giai đoạn để nâng kiến thức của học sinh từ yếu lên trung bình và lên khá giỏi.

#### **\* Chương trình tiếng Anh với giáo viên nước ngoài**

Nhằm đáp ứng nguyện vọng nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho học sinh, nhà trường phối hợp với trung tâm anh ngữ tổ chức dạy tiếng Anh với người nước ngoài cho học sinh khối 6, 7, 8. Nhà trường xây dựng đề án và chỉ thực hiện khi được các cấp phê duyệt.

#### **\* Chương trình giáo dục Kỹ năng sống**

Để rèn luyện cho học sinh các kỹ năng thích ứng với cuộc sống; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn góp phần hình thành, phát triển năng lực học sinh tác động tốt đến việc hình thành nhân cách của học sinh, nhà trường phối hợp với trung tâm thực hiện chương trình giảng dạy Kỹ năng sống cho học sinh khối 6,7 (01 tiết/tuần). Nhà trường xây dựng đề án và chỉ thực hiện khi được các cấp phê duyệt.

### **\* Giáo dục STEM**

Tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục STEM; cung cấp kiến thức và tạo môi trường phù hợp để học sinh rèn luyện các kỹ năng về khoa học công nghệ như Lập trình, Thiết kế, Tự động hóa, Robot theo phương hướng chương trình giáo dục STEM; tạo điều kiện để học sinh ứng dụng công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm sáng tạo, từ đó giải quyết các vấn đề trong cuộc sống; giúp học sinh rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp và hợp tác nhóm, qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực của học sinh, sẵn sàng cho cách mạng công nghiệp 4.0 đồng thời tham dự các cuộc thi KHKT, STTTNNĐ các cấp.

#### **3.3. Công tác giáo dục hòa nhập**

Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của văn bản về hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập của Sở GDĐT. Đảm bảo những điều kiện tốt nhất để giúp học sinh có thể hòa nhập được môi trường học tập, sinh hoạt tại trường. Đảm bảo công tác kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập an toàn, hiệu quả và thân thiện giữa học sinh bình thường với học sinh khuyết tật hòa nhập; giáo dục học sinh lòng yêu thương, biết chia sẻ và giúp đỡ bạn học, thực hiện nội dung giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập phù hợp với nhu cầu, khả năng của học sinh.

Thực hiện đúng đủ các văn bản chỉ đạo về dạy - học của học hòa nhập khuyết tật. Vận dụng quy chế đánh giá, xếp loại học sinh theo hướng tạo điều kiện tối đa để học sinh khuyết tật được tham gia học hòa nhập và có thể học lên lớp sau Phổ thông (học nghề, trung cấp chuyên nghiệp...)

Việc đánh giá học sinh khuyết tật sẽ được xem xét theo từng trường hợp cụ thể, không xếp các em vào diện học lực kém, không coi là học sinh ngồi sai lớp. Do vậy giáo viên phải xây dựng kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá cho phù hợp.

#### **3.4. Giáo dục Quốc phòng an ninh**

Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-BGD ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn giáo dục Quốc phòng và An ninh;

Lồng ghép giáo dục Quốc phòng an ninh thông qua nội dung các môn học: Ngữ văn, Địa lý, GDCD, Âm nhạc và Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương, hoạt động ngoài giờ lên lớp; tập trung vào tinh thần đoàn kết, yêu nước của các thế hệ người Việt Nam trong dựng nước và giữ nước qua các thời kỳ cách mạng; bước đầu hiểu biết về phòng chống cháy nổ, an toàn các nhân; pháp luật Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; quyền lợi, trách nhiệm của công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

#### **3.5. Xây dựng trường học hạnh phúc**

Căn cứ vào các tiêu chí xây dựng trường học hạnh phúc tạo dựng và duy trì

nhà trường mà ở đó học sinh và CB, GV, NV được yêu thương, được tôn trọng, được an toàn, được hiểu và được có giá trị; nói rộng hơn là phát triển môi trường nhà trường thân thiện, văn minh, cùng hợp tác vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi thiếu chuẩn mực đạo đức hoặc các hành vi làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm đội ngũ CB, GV, NV, học sinh.

Góp phần tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động về đạo đức, năng lực ứng xử sư phạm của đội ngũ CB, GV, NV và học sinh, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc không chỉ là nơi cung cấp và đáp ứng các nhu cầu giáo dục mà phải là nơi tạo ra hạnh phúc góp phần tạo nên một xã hội hạnh phúc để có thể tăng trưởng và phát triển bền vững

### **3.6. Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh**

Triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến theo các quy định mới; việc dạy học được triển khai gồm 3 giai đoạn, giai đoạn trước, giai đoạn ngay thời khoá biểu và sau thời khoá biểu. Giai đoạn 1 giáo viên giao nhiệm vụ tự học, tự tìm hiểu kiến thức cho học sinh trên hệ thống có kèm kiểm tra đánh giá. Giai đoạn 2 học sinh sẽ học trực tiếp trên lớp với giáo viên. Giai đoạn 3 củng cố, ôn tập kiến thức trên hệ thống.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, và sáng tạo của học sinh; đẩy mạnh hoạt động chuyên đề, tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh. Kỹ năng ứng dụng lý thuyết được học để giải quyết các vấn đề của thực tế đời sống; các kỹ năng sống, kỹ năng thực hành xã hội cần thiết, phù hợp với lứa tuổi và đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là khả năng hội nhập quốc tế.

Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh, nâng cao chất lượng kiểm tra định kỳ (quy chế tổ chức; đề kiểm tra xây dựng ma trận đề đảm bảo các mức độ theo quy định; áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá). Tiếp tục tham gia khảo sát chất lượng học sinh lớp 6, 9 làm cơ sở để đánh giá tình hình học tập và điều chỉnh kịp thời việc giảng dạy và đánh giá học sinh.

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 đối với 4 khối lớp. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2272/SGDDT ngày 21/08/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn kiểm tra đánh giá học sinh THCS và THPT từ năm học 2023-2024;

### **3.7. Công tác quản lý hoạt động tổ nhóm chuyên môn**

Kiện toàn đội ngũ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 2 tuần/01 lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ chuyên môn hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn.

Thực hiện nghiêm túc đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đi sâu vào nghiên cứu chuyên môn, kiểm tra hồ sơ để điều chỉnh kịp thời những sai sót trong hoạt động dạy và học. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học qua công tác bồi dưỡng, dự giờ thăm lớp của giáo viên, đánh giá rút kinh nghiệm công khai các tiết dự giờ kiểm tra đánh giá trong tổ chuyên môn; tổ chức hội thảo, chuyên đề cấp tổ, cấp trường, tăng cường theo hướng trao đổi, thảo luận về các chủ đề, phương pháp, nội dung giảng dạy, rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc gặp phải trong giảng dạy... tránh sinh hoạt tổ chỉ mang tính sự vụ.

Chú ý học sinh yếu kém để có kế hoạch phụ đạo hoặc có cách dạy học hợp lí. Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi bộ môn và phụ đạo học sinh yếu và các hoạt động trải nghiệm khác phù hợp từng đối tượng học sinh. Tăng cường giáo dục cá thể.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu về việc thành lập các câu lạc bộ, các nhóm sinh hoạt theo chuyên đề. Ban Giám hiệu tham gia các buổi họp tổ chuyên môn để kịp thời nắm bắt được những khó khăn của đội ngũ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để có hướng chỉ đạo sớm nhất.

### **3.8. Tăng cường xã hội hóa, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo**

Đề xuất Phòng GDĐT, Ủy ban nhân dân thị xã cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị hư hỏng.

Kêu gọi sự hỗ trợ cả về nhân lực, trí tuệ của các lực lượng trong xã hội nhằm góp phần cải tiến các hoạt động giáo dục, nâng chất lượng đào tạo của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch (nếu có). vận động tài trợ, xã hội hóa giáo dục và trình Phòng GD&ĐT, Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt Công khai, minh bạch quy trình thực hiện, kết quả, việc sử dụng tài trợ.

### **3.9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số**

Chú trọng ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý. Sử dụng CNTT, trang thông tin điện tử có hiệu quả để thực hiện công khai các mặt hoạt động của nhà trường.

Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo trực tuyến và hoạt động chuyên môn trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và trang *dongtrieu.edu.vn*.

Thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030”, xây dựng hiệu quả kho học liệu số chia sẻ dùng chung, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng

và các học liệu khác. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Công tác quản lý sổ điểm điện tử tại trường được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc quản lý, sử dụng học bạ điện tử từ năm học 2024 - 2025; cơ sở dữ liệu học sinh và giáo viên được cập nhật và quản lý theo sự phân công do Hiệu trưởng quyết định; thực hiện nghiêm túc quy định, quy chế quản lý và sử dụng sổ điểm điện tử trong nhà trường.

Cập nhật thông tin giáo viên, học sinh trên hệ thống CSDL ngành, đáp ứng đầy đủ dữ liệu để đồng bộ với CSDL dân cư quốc gia.

### **3.10. Công tác thư viện**

Xây dựng và hình thành thói quen đọc, sở thích đọc, kỹ năng đọc sách cho học sinh, xây dựng và sử dụng tủ sách lớp học, phát động tuần lễ "Hưởng ứng học tập suốt đời" và phát triển văn hóa đọc gắn với xây dựng câu lạc bộ khoa học trong các nhà trường bằng những việc làm cụ thể:

Mở cửa thư viện thường xuyên cho học sinh đọc sách vào giờ ra chơi (thư viện mở cửa tự do phục vụ cho các em từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

Giới thiệu sách mới cho học sinh và giáo viên (mỗi tháng 01 đầu sách). - Các bộ môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử - Địa lí, Khoa học tự nhiên, GD&ĐT, ... tổ chức tiết học thư viện (đăng ký với nhân viên phụ trách phòng thư viện và nhân viên thiết bị phối hợp chuẩn bị cơ sở vật chất).

Tổ chức mỗi tháng một câu chuyện giáo dục nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh. - Cung cấp những thông tin cho học sinh về kiến thức khoa học, xã hội, cuộc sống xung quanh qua “Góc đọc”.

Cung cấp tài liệu đầy đủ và kịp thời khi giáo viên và học sinh cần đến (phục vụ cho việc dạy và học hay dự thi các phong trào thi an toàn giao thông, thi học sinh giỏi...).

Tổ chức các hoạt động phong trào như thi đọc diễn cảm, làm thơ, viết bài cảm nhận, kể chuyện, làm thiệp mừng... nhân các ngày lễ 8/3; 26/3; 20/11...

Phát động học sinh tặng sách giáo khoa cũ cho thư viện nhằm tránh lãng phí.

Đảm bảo học sinh có đủ SGK để học (kết hợp với giám thị, giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách để kiểm tra ít nhất 01 lần/ Học kì). Nếu học sinh thiếu sách giáo khoa, cán bộ thư viện sẽ có hướng giúp đỡ.

### **3.11. Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường**

Công tác kiểm tra nội bộ là hoạt động thường xuyên của nhà trường, là chức năng thiết yếu của công tác quản lý, giúp hiệu trưởng đánh giá được tiến độ thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, tìm ra những giải pháp, biện pháp để đôn đốc, giúp đỡ và điều chỉnh đối tượng kiểm tra góp phần hoàn thiện, phát triển nhà trường, tìm

ra các giải pháp thực hiện khả thi để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, củng cố và thiết lập trật tự kỉ cương, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả của hoạt động giáo dục, trên cơ sở kiểm tra đối chiếu với các quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đề ra.

Công tác kiểm tra nội bộ phải đảm bảo tính toàn diện, trực tiếp các nội dung và đối tượng trong nhà trường. Đối với giáo viên, nhân viên, thông qua việc kiểm tra, nhà trường đánh giá được thực trạng năng lực của mỗi cá nhân từ đó tư vấn, thúc đẩy, giúp đỡ đội ngũ từng bước hoàn thiện năng lực sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Đối với các tổ chức, bộ phận trong nhà trường, thông qua việc kiểm tra các nội dung, đối chiếu với các quy định để hiệu trưởng đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ, từ đó điều chỉnh kế hoạch, tư vấn, thúc đẩy cá nhân, tập thể tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nội dung kiểm tra: Kiểm tra Hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra thư viện, thiết bị, văn thư, kế toán, y tế trường học, kiểm tra chuyên môn....

### **3.12. Công tác phối hợp**

Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình thông qua vai trò của giáo viên bộ môn, nhất là giáo viên chủ nhiệm lớp, hệ thống sổ liên lạc thông thường và sổ liên lạc điện tử, điện thoại, thư điện tử... để thường xuyên nắm bắt tình hình gia cảnh, hoàn cảnh, diễn biến tâm lý của học sinh; kịp thời thông tin đến cha mẹ học sinh tình hình tu dưỡng, rèn luyện và kết quả học tập của con em họ, qua đó động viên, chia sẻ và uốn nắn từng biểu hiện hành vi của học sinh, kể cả những sai phạm, biểu hiện lệch chuẩn, chia sẻ hoàn cảnh, giúp đỡ học sinh tiến bộ, vận động học sinh đến trường.

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thành lập và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGGĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. giúp nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đóng góp chương trình giáo dục, phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo... và quản lý, giáo dục, chăm sóc học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, tổ chức đoàn thể xã hội ở địa phương để quản lý và giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, giáo dục quốc phòng, an ninh, giáo dục pháp luật, ý thức trách nhiệm công dân, chấp hành các quy định về giao thông, phòng, chống ma túy, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội... góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo điều

kiện để học sinh phát triển nhân cách toàn diện.

Phối hợp với gia đình và xã hội làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng các quỹ học bổng khuyến học, khuyến tài, quỹ tài năng trẻ để hỗ trợ học sinh gặp khó khăn, khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Hiệu trưởng**

Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.

Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: giáo viên chủ nhiệm, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm...

Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ. Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

### **2. Đối với Phó hiệu trưởng**

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục không bắt buộc, các hoạt động ngoại khóa, CLB...; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học. Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

### **3. Tổ trưởng chuyên môn**

Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn. Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đúng quy định. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Xây dựng các hoạt động giáo dục theo đặc thù bộ môn, hướng dẫn của ngành.

### **4. Đối với giáo viên**

Nghiên cứu, nhận thức tích cực về Chương trình GDPT 2018 và xây dựng

kế hoạch giáo dục bộ môn.

Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học).

Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

### **5. Đối với nhân viên**

Nhân viên phụ trách các bộ phận có nhiệm vụ phối hợp với giáo viên về cơ sở vật chất: đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học, máy vi tính, phòng chức năng, sách tham khảo, ... đảm bảo hỗ trợ tối đa mức tốt nhất các hoạt động dạy học để học sinh học tập trong môi trường tốt.

Nhân viên y tế phối hợp với các ban ngành liên quan, thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ giáo dục giới tính và sức khỏe cho học sinh, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho học sinh theo quy định từ đó có những tư vấn phù hợp giúp học sinh phòng chống các bệnh học đường, bệnh theo mùa và phòng dịch.

### **6. Chế độ thông tin báo cáo**

Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo Hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường, năm học 2024 - 2025 của trường THCS Mạo Khê II. Đề nghị các bộ phận chuyên môn, thành viên liên quan trong nhà trường cụ thể hóa thành kế hoạch chi tiết, thực hiện đúng các quy định nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (th/h);
- Lãnh đạo NT; TCM (th/h);
- Các đoàn thể trong trường (th/h);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Ánh Tuyết**